

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

Báo cáo tài chính

31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5403000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp vào ngày 17 tháng 3 năm 2006, và các GCNĐKKD điều chỉnh. GCNĐKKD đã được điều chỉnh nhiều lần và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất lần thứ 13 ngày 9 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bia, rượu và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính: Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Số 177 Quốc lộ 62, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.
Chi nhánh Tiền Giang	Đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, Ấp Bến Có, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 530K Tổ 20 Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Chi nhánh Bến Tre	Số 49B, Đường Đồng Văn Cống, Ấp Bình Thành, Xã Bình Phú, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Vĩnh Tùng	Chủ tịch	
Ông Lương Trung Nhân	Thành viên	
Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Chim Thị Ngọc Mỹ	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Trang	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trung Nhân	Giám đốc
Ông Trần Văn Giàu	Phó giám đốc
Ông Bùi Chí Hiếu	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lương Trung Nhân.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Lương Trung Nhân
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 61285332/18888113

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

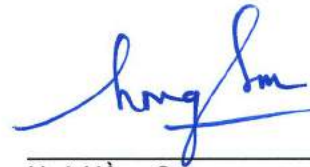
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1



Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

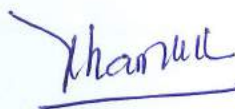
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178.312.393.452	237.339.001.677
110	I. Tiền	4	20.735.275.474	41.976.292.822
111	1. Tiền		20.735.275.474	41.976.292.822
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		74.291.902.666	101.666.899.146
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.026.861.814	1.415.599.600
132	2. Trả trước ngắn hạn cho người bán	6	33.643.850.777	26.795.064.154
136	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	36.635.190.215	73.932.664.566
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.000.140)	(476.429.174)
140	III. Hàng tồn kho	8	82.540.544.486	91.115.694.142
141	1. Hàng tồn kho		82.540.544.486	91.115.694.142
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		744.670.826	2.580.115.567
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		744.670.826	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	9	-	2.580.115.567
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		66.597.142.586	49.818.233.661
220	II. Tài sản cố định		35.635.883.018	26.591.371.175
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.825.082.589	7.278.552.078
222	Nguyên giá		24.837.660.729	13.399.143.847
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.012.578.140)	(6.120.591.769)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	18.810.800.429	19.312.819.097
228	Nguyên giá		21.709.749.253	21.709.749.253
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.898.948.824)	(2.396.930.156)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.726.125.974
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.726.125.974
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	6.725.338.420	6.725.338.420
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.069.614.327	9.069.614.327
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.344.275.907)	(2.344.275.907)
260	V. Tài sản dài hạn khác		24.235.921.148	14.775.398.092
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	24.235.921.148	14.283.690.302
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	491.707.790
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		244.909.536.038	287.157.235.338


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		96.339.656.702	164.696.316.978
310	I. Nợ ngắn hạn		96.339.656.702	163.486.316.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	38.598.637.437	100.075.006.985
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	3.471.159.266	4.127.909.609
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	7.510.209.347	1.850.503.896
314	4. Phải trả người lao động		2.949.701.917	3.737.238.903
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.241.057.422	7.345.739.218
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	35.142.721.647	38.770.835.293
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.210.000.000	1.320.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.216.169.666	6.259.083.074
330	II. Nợ dài hạn		-	1.210.000.000
338	1. Vay dài hạn	18	-	1.210.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		148.569.879.336	122.460.918.360
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	148.569.879.336	122.460.918.360
411	1. Vốn cổ phần		40.000.000.000	40.000.000.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	40.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.402.513.589	17.402.513.589
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.167.365.747	65.058.404.771
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		55.437.843.171	28.907.609.063
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		29.302.922.576	36.150.795.708
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		244.909.536.038	287.157.235.338




Người lập
Trần Thị Mỹ Nhân



Kế toán trưởng
Bùi Chí Hiếu




Giám đốc
Lương Trung Nhân

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	3.895.078.801.022	3.856.158.107.131
11	2. Giá vốn hàng bán	21	(3.701.097.776.016)	(3.714.833.941.487)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		193.981.025.006	141.324.165.644
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.284.659.349	1.504.771.843
22	5. Chi phí tài chính	22	(147.197.905)	(236.656.292)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(147.197.905)	(236.656.292)
24	6. Chi phí bán hàng	23	(186.798.687.748)	(151.200.376.247)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(20.995.843.057)	(16.090.045.455)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.676.044.355)	(24.698.140.507)
31	9. Thu nhập khác	25	59.289.725.196	73.129.429.356
32	10. Chi phí khác	25	(1.331.784.669)	(2.024.683.059)
40	11. Lợi nhuận khác	25	57.957.940.527	71.104.746.297
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.281.896.172	46.406.605.790
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.891.911.556)	(10.255.810.082)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.1	(491.707.790)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		35.898.276.826	36.150.795.708
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	7.461	7.438
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	7.461	7.438

Thamml

Người lập
Trần Thị Mỹ Nhân

Sealmm

Kế toán trưởng
Bùi Chí Hiếu



Trần Trung Nhân

Giám đốc
Lương Trung Nhân

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.281.896.172	46.406.605.790
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	2.394.005.039	2.292.401.603
03	Hoàn nhập dự phòng		(462.429.034)	(1.423.765.479)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(927.934.880)	-
06	Chi phí lãi vay	22	147.197.905	236.656.292
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.432.735.202	47.511.898.206
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		30.079.980.095	(82.330.434.937)
10	(Giảm) tăng hàng tồn kho		11.681.859.960	(28.634.651.367)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(77.920.023.158)	56.249.214.668
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(10.696.901.672)	9.928.904.272
14	Tiền lãi vay đã trả		(147.197.905)	(236.656.292)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(3.558.717.356)	(23.591.414.021)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.211.667.658)	(5.839.427.975)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(6.339.932.492)	(26.942.567.446)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(11.438.516.882)	(1.221.176.454)
27	Tiền thu lãi, cổ tức được chia		927.934.880	1.504.771.843
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(10.510.582.002)	283.595.389
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.320.000.000)	(1.320.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.1	(3.193.961.600)	(3.179.751.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.513.961.600)	(4.499.751.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(21.364.476.094)	(31.158.723.257)
60	Tiền đầu năm		41.976.292.822	73.135.016.079
70	Tiền cuối năm	4	20.735.275.474	41.976.292.822

Thamml

Người lập
Trần Thị Mỹ Nhân

Bùi Chí Hiếu

Kế toán trưởng
Bùi Chí Hiếu

Lương Trung Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN SÔNG TIỀN
TP. VINH LONG

Giám đốc
Lương Trung Nhân

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5403000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp vào ngày 17 tháng 3 năm 2006, và các GCNĐKKD điều chỉnh. GCNĐKKD đã được điều chỉnh nhiều lần và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất lần thứ 13 ngày 19 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bia, rượu và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính tại Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 430 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 402).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn CMKTVN (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu CMKTVN (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu CMKTVN (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu CMKTVN (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn CMKTVN (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là nhật ký Chung

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	7 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi thực tế phát sinh.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	70.406	2.324.562
Tiền gửi ngân hàng	20.735.205.068	41.973.968.260
TỔNG CỘNG	20.735.275.474	41.976.292.822

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải thu bên khác	3.602.347.214	590.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	424.514.600	1.415.009.600
TỔNG CỘNG	4.026.861.814	1.415.599.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	33.629.850.637	26.781.064.014
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát</i>		
<i>Khánh An</i>	27.101.783.537	7.713.024.000
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	6.528.067.100	17.009.440.014
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	14.000.140	2.072.600.140
TỔNG CỘNG	<u>33.643.850.777</u>	<u>26.795.064.154</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	559.346.443	2.294.641.670
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	36.075.843.772	71.638.022.896
TỔNG CỘNG	<u>36.635.190.215</u>	<u>73.932.664.566</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	75.487.926.536	-	79.123.674.314	-
Hàng mua đang đi trên đường	6.141.025.950	-	11.080.427.828	-
Công cụ, dụng cụ	911.592.000	-	911.592.000	-
TỔNG CỘNG	<u>82.540.544.486</u>	<u>-</u>	<u>91.115.694.142</u>	<u>-</u>

9. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	549.177.276	8.891.911.556	(3.558.717.356)	5.882.371.476
Thuế giá trị gia tăng	738.824.813	634.454.406.040	(633.903.090.486)	1.290.140.367
Thuế thu nhập cá nhân	562.501.807	3.060.992.825	(3.285.797.128)	337.697.504
TỔNG CỘNG	<u>1.850.503.896</u>	<u>646.407.310.421</u>	<u>(640.747.604.970)</u>	<u>7.510.209.347</u>

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	6.600.935.470	321.902.594	6.476.305.783	-	13.399.143.847
Mua mới trong năm	-	78.045.454	595.584.636	86.000.000	759.630.090
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.678.886.792	-	-	-	10.678.886.792
Số cuối năm	17.279.822.262	399.948.048	7.071.890.419	86.000.000	24.837.660.729
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(2.413.272.129)	(225.695.926)	(3.481.623.714)	-	(6.120.591.769)
Khấu hao trong năm	(1.166.453.633)	(33.058.441)	(686.199.297)	(6.275.000)	(1.891.986.371)
Số cuối năm	(3.579.725.762)	(258.754.367)	(4.167.823.011)	(6.275.000)	(8.012.578.140)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.187.663.341	96.206.668	2.994.682.069	-	7.278.552.078
Số cuối năm	13.700.096.500	141.193.681	2.904.067.408	79.725.000	16.825.082.589

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp văn phòng làm việc để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>21.628.749.253</u>	<u>81.000.000</u>	<u>21.709.749.253</u>
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	(2.343.530.156)	(53.400.000)	(2.396.930.156)
Hao mòn trong năm	<u>(485.818.668)</u>	<u>(16.200.000)</u>	<u>(502.018.668)</u>
Số cuối năm	<u>(2.829.348.824)</u>	<u>(69.600.000)</u>	<u>(2.898.948.824)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>19.285.219.097</u>	<u>27.600.000</u>	<u>19.312.819.097</u>
Số cuối năm	<u>18.799.400.429</u>	<u>11.400.000</u>	<u>18.810.800.429</u>

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.069.614.327	9.069.614.327
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(2.344.275.907)</u>	<u>(2.344.275.907)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>6.725.338.420</u>	<u>6.725.338.420</u>

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Sài Gòn	325.000	3.250.000.000	325.000	3.250.000.000
Hội quán Bia Sài Gòn Vĩnh Long	-	2.657.894.600	-	2.657.894.600
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn Tây Đô	28.500	1.995.000.000	28.500	1.995.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	30.000	750.000.000	30.000	750.000.000
Nhà hàng Kiệt Hương Hội quán Bia Sài Gòn Trà Vinh	-	308.000.000	-	308.000.000
	-	<u>108.719.727</u>	-	<u>108.719.727</u>
TỔNG CỘNG		<u>9.069.614.327</u>		<u>9.069.614.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao bì luân chuyển	22.922.645.391	14.196.330.059
Chi phí thuê kho	1.313.275.757	87.360.243
TỔNG CỘNG	<u>24.235.921.148</u>	<u>14.283.690.302</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả cho bên khác	7.498.413.338	30.179.332.015
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	31.100.224.099	69.895.674.970
TỔNG CỘNG	<u>38.598.637.437</u>	<u>100.075.006.985</u>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	3.471.159.266	4.127.909.609
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Nam Hưng Gia Phát</i>	596.650.164	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Thịnh Phát CB</i>	435.512.000	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Rượu bia 333</i>	349.800.000	-
<i>Doanh Nghiệp Tư nhân Quỳnh Huy</i>	332.483.580	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.756.713.522	4.127.909.609

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bao bì	2.235.999.092	2.272.761.195
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	871.906.800	4.576.288.291
Khác	133.151.530	496.689.732
TỔNG CỘNG	<u>3.241.057.422</u>	<u>7.345.739.218</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược	34.679.630.400	34.576.175.840
Phải trả khác	463.091.247	4.194.659.453
TỔNG CỘNG	<u>35.142.721.647</u>	<u>38.770.835.293</u>

18. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	<u>1.210.000.000</u>	<u>2.530.000.000</u>
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.210.000.000	1.320.000.000
Nợ dài hạn	-	1.210.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ như sau:

	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Hợp đồng vay số 2498/HĐTD-VIBCT/12 ngày 30 tháng 8 năm 2012	<u>1.210.000.000</u>	Ngày 5 tháng 12 năm 2017	7.1	Quyền sử dụng đất, văn phòng làm việc

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm mục đích xây dựng nhà kho chứa bia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	40.000.000.000	17.402.513.589	38.487.360.263	95.889.873.852
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	36.150.795.708	36.150.795.708
Cổ tức công bố	-	-	(3.179.751.200)	(3.179.751.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
Số cuối năm	<u>40.000.000.000</u>	<u>17.402.513.589</u>	<u>65.058.404.771</u>	<u>122.460.918.360</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	40.000.000.000	17.402.513.589	65.058.404.771	122.460.918.360
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	35.898.276.826	36.438.096.266
Cổ tức công bố	-	-	(3.193.961.600)	(3.193.961.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.595.354.250)	(6.595.354.250)
Số cuối năm	<u>40.000.000.000</u>	<u>17.402.513.589</u>	<u>91.167.365.747</u>	<u>148.569.879.336</u>

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	%
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	36.000.000	36.000.000.000	90
Cổ đông khác	4.000.000	4.000.000.000	10
TỔNG CỘNG	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>100</u>

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Giá trị (VND)	Cổ phiếu	Giá trị (VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	40.000.000	40.000.000.000	40.000.000	40.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000.000	40.000.000	40.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.895.078.801.022	3.856.158.107.131
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3.895.078.801.022	3.856.146.141.651
Doanh thu khác	-	11.965.480

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	927.934.880	883.718.650
Lãi tiền gửi	356.724.469	621.053.193
TỔNG CỘNG	<u>1.284.659.349</u>	<u>1.504.771.843</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng đã bán	<u>3.701.097.776.016</u>	<u>3.714.833.941.487</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>147.197.905</u>	<u>236.656.292</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quảng cáo tiếp thị	60.870.200.167	38.652.505.141
Chi phí nhân công	35.415.086.606	36.419.642.963
Chi phí nguyên vật liệu	27.312.860.663	36.536.947.577
Khác	63.200.540.312	39.591.280.566
TỔNG CỘNG	<u>186.798.687.748</u>	<u>151.200.376.247</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.409.464.965	9.260.582.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.050.394.992	1.474.332.338
Khác	3.535.983.100	5.355.130.601
TỔNG CỘNG	<u>20.995.843.057</u>	<u>16.090.045.455</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	59.289.725.196	73.129.429.356
Thu hỗ trợ bán hàng	50.433.623.282	64.830.020.814
Thu từ thanh lý vỏ chai, két bia	8.356.824.400	6.192.204.000
Khác	499.277.514	2.107.204.542
Chi phí khác	(1.331.784.669)	(2.024.683.059)
Khác	(1.331.784.669)	(2.024.683.059)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>57.957.940.527</u>	<u>71.104.746.297</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng	3.723.909.784.391	3.530.299.471.336
Chi phí lương	46.824.551.571	45.680.225.479
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	2.394.005.039	2.292.401.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.763.965.820	303.852.264.771
TỔNG CỘNG	<u>3.908.217.532.521</u>	<u>3.882.124.363.189</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.891.911.556	10.255.810.082
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	491.707.790	-
TỔNG CỘNG	9.383.619.346	10.255.810.082

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.281.896.172	46.406.605.790
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	9.056.379.234	10.209.453.273
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	21.119.298	240.774.911
Dự phòng đầu tư dài hạn	491.707.790	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(185.586.976)	(194.418.103)
Chi phí thuế TNDN	9.383.619.346	10.255.810.082

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ cao nhất	Doanh thu bán hàng	348.600.000	411.075.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại SABECO	Công ty mẹ	Mua hàng Chi phí vỏ chai Hỗ trợ bán hàng Mua bao bì chai kết	3.722.838.079.760 3.663.279.928 50.433.623.282 -	3.500.332.691.930 2.482.935.266 64.830.020.814 20.344.204.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng	394.659.500	1.385.154.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán hàng	29.855.100	29.855.100
			424.514.600	1.415.009.600
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Bên liên quan	Trả trước mua hàng	14.000.140	14.000.140
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại SABECO	Công ty mẹ	Trả trước mua hàng	-	2.058.600.000
			14.000.140	2.072.600.140
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại SABECO	Công ty mẹ	Nhận hỗ trợ bán hàng	35.750.843.772	71.313.022.896
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Chi hộ	325.000.000	325.000.000
			36.075.843.772	71.638.022.896
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại SABECO	Công ty mẹ	Mua hàng	31.100.224.099	69.895.674.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>2.517.521.184</u>	<u>2.387.216.710</u>

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	36.438.096.266	36.150.795.708
Trích quỹ phúc lợi và khen thưởng (VND) (*)	(6.595.354.250)	(6.400.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>30.011.496.266</u>	<u>29.750.795.708</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	7.461	7.438
Lãi suy giảm	7.461	7.438

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm nay theo kế hoạch của Công ty.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến một năm	16.445.703.192	7.767.034.623
Từ 1 đến 5 năm	65.508.812.768	28.166.488.147
Trên 5 năm	<u>108.033.743.682</u>	<u>56.553.450.287</u>
TỔNG CỘNG	<u>189.988.259.642</u>	<u>92.486.973.057</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính



Người lập
Trần Thị Mỹ Nhân



Kế toán trưởng
Bùi Chí Hiếu


Giám đốc
Lương Trung Nhân

Ngày 28 tháng 2 năm 2017